



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường - K.19 - Lớp 1 (DCM1191)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119341016	Lê Hoàng	Phát	08/02/2001	60	Trung bình
2	3119341022	Võ Anh	Tài	06/02/2001	53	Trung bình
3	3119341024	Lê Minh	Thuận	15/11/2001	88	Tốt
4	3119341025	Đặng Minh	Tiến	03/04/2001	72	Khá
5	3119341026	Diệp Trí	Tín	27/07/2001	65	Khá
6	3119341029	Phạm Thị Ngọc	Trân	13/08/2001	85	Tốt
7	3119341030	Nguyễn Văn	Trọng	15/11/2001	80	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 7 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	3	42,9
Khá	2	28,6
TB	2	28,6
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường - K.20 - Lớp 1 (DCM1201)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120341006	La Ngọc Kim	Anh	08/12/2002	83	Tốt
2	3120341008	Lý Trần Quốc	Bảo	05/09/2002	95	Xuất sắc
3	3120341009	Lương Quốc	Duy	10/11/2002	83	Tốt
4	3120341002	Nguyễn Tuấn	Đạt	30/08/2002	61	Trung bình
5	3120341010	Nguyễn Trường	Giang	10/11/2002	100	Xuất sắc
6	3120341011	Lê Thị Hồng	Hạnh	16/03/2002	58	Trung bình
7	3120341012	Bùi Ngọc	Hân	25/05/2002	66	Khá
8	3120341013	Hoàng Quang	Huy	12/04/2002	48	Yếu
9	3120341014	Nguyễn Phát	Huy	22/04/2002	75	Khá
10	3120341015	Nguyễn Đăng	Khoa	23/10/2002	63	Trung bình
11	3120341016	Nguyễn Tấn	Khoa	20/04/2002	64	Trung bình
12	3120341018	Tất Mỹ	Linh	14/08/2001	73	Khá
13	3120341021	Huỳnh Hải	Minh	28/08/2002	82	Tốt
14	3120341023	Trần Hoàng	Nam	01/11/2002	100	Xuất sắc
15	3120341024	Trần Khôi	Nguyên	13/10/2002	59	Trung bình
16	3120341025	Cao Thiện Đức	Nhân	06/12/2002	100	Xuất sắc
17	3120341027	Ngô Thành	Phát	29/11/2002	71	Khá
18	3120341028	Nguyễn Nhật	Quý	26/08/2002	64	Trung bình
19	3118341039	Lê Nguyễn Trung	Tín	22/05/1998	95	Xuất sắc
20	3120341033	Nguyễn Thị Minh	Trang	03/10/2002	71	Khá
21	3120341034	Huỳnh Quốc	Trung	09/03/2002	59	Trung bình
22	3120341005	Trương Thị Thanh	Vân	20/04/2002	90	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường - K.20 - Lớp 1 (DCM1201)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 22 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	6	27,3
-------	---	------

Tốt	3	13,6
-----	---	------

Khá	5	22,7
-----	---	------

TB	7	31,8
----	---	------

Yếu	1	4,5
-----	---	-----

Kém	0	0,0
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành CN Kỹ thuật Môi trường - K.21 - Lớp 1 (DCM1211)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121341005	Vũ Lê Quốc	Ân	24/01/2003	55	Trung bình
2	3121341008	Phạm Kỳ	Duyên	01/12/2003	0	Kém
3	3121341001	Nguyễn Gia	Hào	13/12/2003	91	Xuất sắc
4	3121341011	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	06/11/2003	97	Xuất sắc
5	3121341002	Nguyễn Tấn	Huy	22/09/2003	100	Xuất sắc
6	3121341003	Lương Chí	Mẫn	06/04/2003	65	Khá
7	3121341017	Phùng Yến	Nhi	01/11/2003	0	Kém
8	3121341018	Nguyễn Thanh	Phúc	28/08/2003	60	Trung bình
9	3121341020	Nguyễn Hoàng Kiều	Phụng	30/09/2003	98	Xuất sắc
10	3121341022	Đoàn Thị Mai	Phương	14/10/2003	95	Xuất sắc
11	3121341023	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	16/09/2003	90	Xuất sắc
12	3121341004	Trần Phước	Tân	14/05/2003	91	Xuất sắc
13	3121341024	Lê Thanh	Thảo	12/10/2003	89	Tốt
14	3121341025	Nguyễn Thị Bích	Thảo	05/06/2003	82	Tốt
15	3121341026	Nguyễn Minh	Thuận	01/07/2003	90	Xuất sắc
16	3121341027	Lê Trần Thanh	Thủy	27/09/2003	88	Tốt
17	3121341031	Lê Lưu Thanh	Xa	27/10/2003	60	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 17 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	8	47,1
Tốt	3	17,6
Khá	1	5,9
TB	3	17,6
Yếu	0	0,0
Kém	2	11,8

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thập



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành CN Kỹ thuật Môi trường - K.22 - Lớp 1 (DCM1221)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122341001	Dương Đức	Anh	19/01/2004	92	Xuất sắc
2	3122341003	Lạc Bội	Bội	23/08/2004	79	Khá
3	3122341004	Huỳnh Phú	Cường	25/12/2004	78	Khá
4	3122341005	Trịnh Thị Thanh	Diệu	01/02/2004	79	Khá
5	3122341006	Nguyễn Hùng Tấn	Đạt	05/02/2004	98	Xuất sắc
6	3122341007	Phạm Quốc	Đăng	12/01/2002	73	Khá
7	3122341008	Trần Ngọc Hương	Giang	23/01/2004	77	Khá
8	3122341009	Trần Khánh	Hà	09/08/2004	84	Tốt
9	3122341010	Hồ Cẩm	Hào	22/03/2004	68	Khá
10	3122341011	Phạm Gia	Hân	25/09/2004	69	Khá
11	3122341013	Đinh Đăng	Huy	20/04/2004	0	Kém
12	3122341014	Nguyễn Trọng	Khánh	01/06/2004	52	Trung bình
13	3122341015	Trần Đỗ Diệu	Linh	06/10/2004	69	Khá
14	3122341016	Lê Hữu	Lộc	03/11/2004	67	Khá
15	3122341017	Lê Bửu	Minh	01/02/2003	0	Kém
16	3122341018	Trần Hoàng	Minh	01/09/2004	50	Trung bình
17	3122341019	Ngô Võ Bích	Ngân	16/10/2004	76	Khá
18	3122341021	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	08/09/2004	92	Xuất sắc
19	3122341023	Hồ Thanh	Phong	12/07/2004	73	Khá
20	3122341024	Lương Thiên	Phú	28/08/2003	70	Khá
21	3122341025	Nguyễn Thị Xuân	Phương	05/03/2004	77	Khá
22	3122341026	Trần Uyên	Phương	06/06/2004	87	Tốt
23	3122341028	Nguyễn Hồng Châu	Thảo	12/06/2004	100	Xuất sắc
24	3122341029	Huỳnh Trương Quốc	Thịnh	31/10/2004	56	Trung bình
25	3122341030	Lìu Mỹ	Trâm	02/12/2004	86	Tốt
26	3122341031	Phan Võ Nhã	Trúc	14/03/2004	69	Khá
27	3122341032	Phạm Thị Cẩm	Tú	04/12/2003	77	Khá
28	3122341033	Nguyễn Ngọc Thảo	Vi	03/05/2004	100	Xuất sắc



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành CN Kỹ thuật Môi trường - K.22 - Lớp 1 (DCM1221)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 28 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	5	17,9
-------	---	------

Tốt	3	10,7
-----	---	------

Khá	15	53,6
-----	----	------

TB	3	10,7
----	---	------

Yếu	0	0,0
-----	---	-----

Kém	2	7,1
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.19 - Lớp 1 (DKM1191)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119340002	Tạ Huệ	Bình	12/09/2001	71	Khá
2	3119340003	Đặng Minh	Châu	14/11/2001	57	Trung bình
3	3119340008	Nguyễn Anh	Đào	16/05/2001	68	Khá
4	3119340009	Đinh Thị Quỳnh	Giang	02/01/2001	59	Trung bình
5	3119340010	Phạm Ngọc	Giang	26/12/2001	59	Trung bình
6	3119340014	Bao Gia	Hân	08/10/2001	71	Khá
7	3119340017	Huỳnh Quốc	Hung	05/06/2001	60	Trung bình
8	3119340018	Huỳnh Hoàng	Hương	05/01/2001	67	Khá
9	3119340019	Nguyễn Ngọc	Hương	12/08/2001	82	Tốt
10	3119340021	Nguyễn Lê Linh	Kha	24/09/2001	74	Khá
11	3119340024	Nguyễn Thanh	Khương	10/12/2001	73	Khá
12	3119340025	Trần Châu Tuấn	Kiệt	26/03/2001	61	Trung bình
13	3119340026	Lê Thị	Linh	10/12/2001	73	Khá
14	3119340029	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	20/09/2001	61	Trung bình
15	3119340030	Phạm Như	Ngọc	09/01/2001	66	Khá
16	3119340031	Dương Ngọc Tường	Nguyên	08/01/2001	74	Khá
17	3119340032	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	22/12/2001	87	Tốt
18	3119340034	Nguyễn Thị Hải	Như	17/11/2001	80	Tốt
19	3119340036	Nguyễn Kiều	Oanh	18/11/2001	66	Khá
20	3119340039	Lê Ngọc	Phúc	20/05/2001	80	Tốt
21	3119340041	Nguyễn Minh	Quang	30/07/2001	0	Kém
22	3119340043	Nguyễn Nam	Son	28/02/2001	53	Trung bình
23	3119340045	Võ Hoàng	Tân	01/02/2001	76	Khá
24	3119340046	Trần Hữu	Thái	23/08/2001	73	Khá
25	3119340047	Phạm Quốc	Thành	06/09/2001	71	Khá
26	3119340049	Phạm Phương	Thảo	30/04/2001	61	Trung bình
27	3119340050	Nguyễn Anh	Thị	12/12/2001	55	Trung bình
28	3119340051	Nguyễn Ái	Thiên	19/08/2001	59	Trung bình
29	3119340052	Nguyễn Thị Bé	Thơ	14/08/2001	80	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.19 - Lớp 1 (DKM1191)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119340053	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	20/10/2001	73	Khá
31	3119340056	Nguyễn Đức	Toàn	16/10/2001	63	Trung bình
32	3119340057	Nguyễn Văn	Toàn	02/01/2001	70	Khá
33	3119340060	Trần Lâm Bảo	Trân	01/01/2001	73	Khá
34	3119340065	Trần Ngọc	Truyền	06/08/2001	70	Khá

Tổng cộng danh sách này có 34 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	14,7
Khá	17	50,0
TB	11	32,4
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,9

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.20 - Lớp 1 (DKM1201)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120340007	Đỗ Ngọc	Anh	16/08/2002	68	Khá
2	3120340009	Nguyễn Thị Huế	Anh	07/02/2002	96	Xuất sắc
3	3120340012	Huỳnh Ngọc	Diễm	24/05/2002	71	Khá
4	3120340017	Lý Ngọc	Hải	24/09/2002	70	Khá
5	3120340018	Huỳnh Thiện	Hạnh	05/10/2002	66	Khá
6	3120340020	Lê Thị Như	Hào	08/05/2002	56	Trung bình
7	3120340021	Lương Ngọc Bảo	Hân	26/11/2002	71	Khá
8	3120340023	Vũ Phạm Quang	Huy	05/06/2002	72	Khá
9	3120340025	Phạm Đăng	Khoa	20/05/2002	74	Khá
10	3120340026	Huỳnh Nguyệt	Kim	13/12/2002	85	Tốt
11	3120340027	Đoàn Ngọc Hoàng	Lan	04/05/2002	63	Trung bình
12	3120340029	Nguyễn La Thùy	Linh	19/11/2002	64	Trung bình
13	3120340030	Võ Thị Phương	Linh	20/04/2002	74	Khá
14	3120340031	Nguyễn Thị Hà	Mi	08/02/2002	70	Khá
15	3120340034	Nguyễn Dương Kim	Ngân	21/08/2002	63	Trung bình
16	3120340037	Nguyễn Trúc	Ngân	13/02/2002	74	Khá
17	3120340038	Trần Thị Thành	Nghĩa	14/03/2002	71	Khá
18	3120340039	Nguyễn Minh	Nguyệt	12/12/2002	56	Trung bình
19	3120340046	Trần Thị Thu	Quân	10/03/2001	96	Xuất sắc
20	3120340047	Đào Kim	Quyên	13/04/2002	71	Khá
21	3120340050	Đinh Nguyễn Thành	Tài	06/10/2002	58	Trung bình
22	3120340051	Nguyễn Thị Phương	Thanh	26/02/2002	65	Khá
23	3120340052	Phan Thị Như	Thảo	19/11/2002	75	Khá
24	3120340054	Nguyễn Đỗ	Thiên	12/04/2002	73	Khá
25	3120340055	Nguyễn Quang Xuân	Thịnh	23/05/2002	69	Khá
26	3120340056	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	04/05/2002	59	Trung bình
27	3120340057	Nguyễn Vũ Minh	Thư	18/04/2002	78	Khá
28	3120340058	Nguyễn Thị	Tiền	15/10/2002	82	Tốt
29	3120340059	Huỳnh Khải	Toàn	07/09/2002	79	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.20 - Lớp 1 (DKM1201)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120340060	Dương Mỹ	Trân	05/11/2002	58	Trung bình
31	3120340062	Nguyễn Bảo Huỳnh	Trân	04/10/2002	65	Khá
32	3120340063	Tạ Trần Bảo	Trân	20/06/2002	83	Tốt
33	3120340064	Mai Hà Anh	Trúc	05/09/2002	88	Tốt
34	3120340069	Nguyễn Thị Ái	Vy	18/11/2002	64	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 34 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	5,9
Tốt	4	11,8
Khá	19	55,9
TB	9	26,5
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.21 - Lớp 1 (DKM1211)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121340006	Phùng Thị Ngọc	Chân	28/10/2003	69	Khá
2	3121340008	Sato	Do	26/10/2002	95	Xuất sắc
3	3121340013	Nguyễn Tấn	Đạt	18/09/2003	73	Khá
4	3121340020	Phạm Thị Ngọc	Hiếu	02/01/2003	53	Trung bình
5	3121340021	Phạm Văn	Hơn	22/02/2003	53	Trung bình
6	3121340024	Đoàn Trọng	Kha	02/12/2002	98	Xuất sắc
7	3121340025	Huỳnh Tuấn	Khải	11/10/2003	84	Tốt
8	3121340026	Đoàn Đăng	Khoa	16/12/2003	43	Yếu
9	3121340027	Nguyễn Đăng	Khoa	18/09/2002	60	Trung bình
10	3121340028	Nguyễn Hoàng Đăng	Khương	05/02/2003	43	Yếu
11	3121340029	Nguyễn Thành	Kiên	25/10/2003	72	Khá
12	3121340032	Lưu Gia	Linh	22/01/2003	50	Trung bình
13	3121340033	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	27/11/2003	92	Xuất sắc
14	3121340035	Ngô Việt Bảo	Luân	06/11/2003	72	Khá
15	3121340036	Trần Xuân	Mai	12/01/2003	50	Trung bình
16	3121340038	Nguyễn Hải	Nam	25/05/2003	50	Trung bình
17	3121340040	Lê Hoàng Khánh	Ngân	24/08/2003	78	Khá
18	3121340042	Nguyễn Tuyết	Ngân	21/09/2003	70	Khá
19	3121340045	Phan Thị Hồng	Ngọc	12/09/2003	75	Khá
20	3121340047	Lê Thái Bảo	Ngọc	18/11/2003	89	Tốt
21	3121340052	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	04/02/2003	40	Yếu
22	3121340054	Đinh Huỳnh	Như	29/06/2003	55	Trung bình
23	3121340055	Đỗ Nguyễn Minh	Như	27/07/2003	72	Khá
24	3121340058	Thị Gia	Phú	26/06/2003	75	Khá
25	3121340059	Cao Hoàng	Phúc	12/04/2003	72	Khá
26	3121340002	Nguyễn Hoàng	Phúc	04/04/2003	59	Trung bình
27	3121340061	Nguyễn Hoàng Mỹ	Phượng	24/09/2003	63	Trung bình
28	3121340062	Nguyễn Đức	Quang	24/08/2003	58	Trung bình
29	3121340066	Võ Thị Thu	Thảo	15/11/2003	58	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.21 - Lớp 1 (DKM1211)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121340067	Danh Kim	Thơ	24/07/2001	67	Khá
31	3121340068	Hồ Tấn	Thuận	29/09/2002	70	Khá
32	3121340069	Trần Thu	Thùy	01/05/2003	79	Khá
33	3121340072	Trần Nguyễn Minh	Thư	18/09/2003	72	Khá
34	3121340075	Lê Thị Thanh	Trang	30/04/2003	89	Tốt
35	3121340077	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	18/10/2003	65	Khá
36	3121340086	Nguyễn Công Anh	Tuấn	23/10/2003	58	Trung bình
37	3121340088	Phan Vũ Hoàng	Tùng	18/03/2003	55	Trung bình
38	3121340090	Phạm Dĩ	Tuyền	27/06/2003	71	Khá
39	3121340091	Ngô Ngọc Thúy	Uyên	22/04/2003	68	Khá
40	3121340092	Ngô Thế	Vinh	26/09/2003	62	Trung bình
41	3121340093	Đặng Trần Trường	Vy	13/05/2003	70	Khá
42	3121340094	Trần Khánh	Vy	25/08/2003	95	Xuất sắc

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	9,5
Tốt	3	7,1
Khá	18	42,9
TB	14	33,3
Yếu	3	7,1
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.22 - Lớp 1 (DKM1221)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122340002	Dương Thủy	Anh	26/04/2003	70	Khá
2	3122340003	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	31/12/2004	62	Trung bình
3	3122340004	Nguyễn Thái Quỳnh	Anh	04/02/2003	63	Trung bình
4	3122340006	Trần Thị Yến	Anh	07/01/2004	0	Kém
5	3122340009	Trần Lâm Chí	Cương	23/06/2004	68	Khá
6	3122340010	Duong Nguyễn Kiều	Duyên	29/02/2004	65	Khá
7	3122340012	Võ Thị Kỳ	Duyên	08/03/2004	69	Khá
8	3122340013	Nguyễn Kiều	Giang	21/05/2004	73	Khá
9	3122340014	Lê Ngọc	Hạ	11/07/2004	67	Khá
10	3122340015	Nguyễn Đoàn Xuân	Hạnh	22/03/2004	62	Trung bình
11	3122340017	Nguyễn Phạm Ngọc	Hiếu	11/04/2004	50	Trung bình
12	3122340019	Trần Lê Tuấn	Khang	19/12/2004	67	Khá
13	3122340020	Nguyễn Kiều	Khanh	21/05/2004	74	Khá
14	3122340021	Đinh Thị Hoàng	Liên	02/05/2004	67	Khá
15	3122340025	Nguyễn Khoa	Nam	05/01/2004	0	Kém
16	3122340026	Duong Tố	Nghi	15/01/2004	55	Trung bình
17	3122340027	Nguyễn Phương Bảo	Nghi	20/05/2004	65	Khá
18	3122340028	Trần Minh	Nghĩa	18/07/2004	53	Trung bình
19	3122340029	Huỳnh Thụy Kim	Ngọc	03/12/2004	60	Trung bình
20	3122340030	Lê Thu	Ngọc	31/03/2004	0	Kém
21	3122340031	Dương Phương	Nhi	29/04/2004	60	Trung bình
22	3122340033	Lê Trần Bảo	Nhi	14/08/2004	68	Khá
23	3122340034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/09/2004	60	Trung bình
24	3122340035	Ong Lê Tâm	Như	03/06/2004	74	Khá
25	3122340037	Võ Trần Thiên	Phúc	29/07/2004	68	Khá
26	3122340038	Nguyễn Trần Loan	Phụng	14/04/2004	67	Khá
27	3122340039	Bùi Thị Yến	Phương	01/03/2004	62	Trung bình
28	3122340043	Lê Thị Tuyết	Sương	12/06/2004	60	Trung bình
29	3122340044	Phạm Ngọc Thu	Sương	23/04/2004	60	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Khoa học môi trường - K.22 - Lớp 1 (DKM1221)

Khoa: Môi trường (MO)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122340045	Võ Thành	Tài	07/06/2004	48	Yếu
31	3122340046	Võ Phan Đoan	Thu	21/08/2004	71	Khá
32	3122340047	Võ Lê Phương	Thùy	06/03/2004	53	Trung bình
33	3122340048	Đỗ Xuân	Thúy	17/11/2004	60	Trung bình
34	3122340050	Trương Thanh	Thư	15/08/2004	0	Kém
35	3122340051	Nguyễn Ngơ Minh	Trang	07/01/2004	50	Trung bình
36	3122340052	Trần Lê Bảo	Trân	16/09/2004	0	Kém
37	3122340053	Nguyễn Huỳnh Phương	Trình	06/09/2004	53	Trung bình
38	3122340054	Phạm Quốc	Trình	12/01/2002	53	Trung bình
39	3122340055	Huỳnh Tấn	Trọng	01/09/2004	65	Khá
40	3122340056	Lê Hồ Thanh	Uyên	23/09/2004	0	Kém
41	3122340059	Hà Mỹ	Xuân	08/03/2004	76	Khá
42	3122340060	Hoàng Thị Như	Ý	29/11/2004	75	Khá

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 14 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	0	0,0
Khá	18	42,9
TB	17	40,5
Yếu	1	2,4
Kém	6	14,3

TS. Võ Văn Thật